

Bản án số: 50/2026/HS-ST
Ngày 28-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Hải Quân.
- Bà Vũ Thị Cúc.

-Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Mai - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 -Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: bà Hứa Thuỳ Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 46/2026/TLST-HS, ngày 13 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 4 năm 2026, Quyết định thay đổi hội thẩm số: 30/2026/QĐ-TA ngày 24 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Đỗ Hữu M, sinh ngày 18 tháng 6 năm 1979 tại xã H, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 02007900****; nơi cư trú: thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Đỗ Hữu V và con bà Nguyễn Thị K; có vợ Vi Thị Hồng N và 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/12/2025 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Hoàng Thế Khuynh – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Trung Vân, đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

-Bị hại: ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn M, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đỗ Hữu V, sinh năm 1947; địa chỉ: thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 04/9/2025 ông Nguyễn Đức T dựng xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 12H1-162.95 (trên xe có 01 giá thồ hàng bằng kim loại kích thước 66x102x34,2cm; 02 thùng tôn dùng để đựng cá kích thước 63x34x50cm; 01 ắc quy nhãn hiệu GS loại 12V; 01 bộ sục khí) phía ngoài cửa quán bán cá của gia đình tại thôn M, xã V, tỉnh Lạng Sơn và đi ngủ. Đến khoảng 02 giờ 07 phút ngày 05/9/2025 Đỗ Hữu M là người hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi một mình đi bộ từ nhà ở thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn đến khu vực quán của ông Nguyễn Đức T phát hiện ra xe mô tô biển số 12H1 -162.95 dựng ở ngoài thềm, trên xe có cấm sẵn chìa khoá. Đỗ Hữu M đã lấy trộm xe mô tô nói trên rồi điều khiển theo hướng thôn P, xã V, đến đường huyện 90 thuộc xã V, đi qua nhiều nơi. Khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực ngã 3 thuộc thôn C, xã H thì bị ông Nguyễn Đức T cùng cơ quan chức năng phát hiện, thu giữ vật chứng vụ án.

Tại kết luận định giá tài sản số 156/KL-HĐĐG ngày 23/11/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá kết luận: Tổng giá trị của xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, biển kiểm soát 12H1- 162.95 và những đồ vật, tài sản trên xe mô tô là 5.723.000đ (năm triệu, bảy trăm, hai mươi ba nghìn đồng).

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 235/KLGD ngày 20/01/2026 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền Trung kết luận:

- Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 05/9/2025;
- + Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Rối loạn tâm thần không biệt định do tổn thương não và rối loạn chức năng não (F06.9-ICD-10)/ Di chứng tổn thương nội sọ (T90.5-icd-10).

- + Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

- Thời điểm hiện tại:

- + Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Rối loạn tâm thần không biệt định do tổn thương não và rối loạn chức năng não (F06.9-ICD-10)/ Di chứng tổn thương nội sọ (T90.5-icd-10)

- + Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã trả lại cho ông Nguyễn Đức T các tài sản sau: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 12H1-162.95; 01 giá thồ hàng; 02 thùng tôn; 01 ắc quy; 01 bộ sục khí. Hiện còn lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD.

Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Đức T đã nhận lại tài sản và được gia đình bị cáo Đỗ Hữu M hỗ trợ số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) là chi phí những ngày bị tạm giữ phương tiện. Ông Nguyễn Đức T không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Cáo trạng số: 06/CT-VKSKV4, ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Đỗ Hữu M về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đỗ Hữu M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã khai tại Cơ quan điều tra và Cáo trạng truy tố.

Bị hại ông Nguyễn Hữu T vắng mặt, những lời khai tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo. Bị hại đã được nhận lại tài sản, hai bên đã thỏa thuận xong về trách nhiệm dân sự, bị hại không có yêu cầu gì khác đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu V trình bày: ông là bố đẻ của bị cáo, bị cáo đã tác động nên ông tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), đối với số tiền trên ông không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo, sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra; đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Đỗ Hữu M phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Hữu M 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ; đề nghị không khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung là phạt tiền do bị cáo không có nghề nghiệp, sống phụ thuộc gia đình. Về vật chứng: lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD. Ghi nhận việc thỏa thuận bồi thường trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm, nhất trí với tội danh theo cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm h khoản 1 (phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn), khoản 2 (bị hại cũng có lỗi) Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên trình bày đối đáp: Người bào chữa đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, thấy rằng số tiền của tội trộm cắp tài sản là 2.000.000 đồng trở lên trong khi giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 5.723.000 đồng nên không thể coi là hậu quả không quá lớn. Việc bị hại cấm chìa khoá ở xe nhưng được để trong thêm nhà có camera của gia đình giám sát nên không thể nói là có lỗi của bị hại. Do đó, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm và hình phạt đã đề nghị.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là sai trái và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất để bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện trong các giai đoạn tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị hại ông Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt. Xét thấy, bị hại đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở phần nội dung, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: khoảng 02 giờ 07 phút ngày 05/9/2025 tại thôn M, xã V, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo đã lén lút trộm cắp của ông Nguyễn Đức T 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển số 12H1-162.95, trên xe có gắn 01 giá thò hàng bằng kim loại kích thước 66x102x34,2cm; 02 thùng tôn dùng để đựng cá kích thước 63x34x50cm; 01 ắc quy nhãn hiệu GS loại 12V; 01 bộ sục khí (gồm 01 mô tơ và bộ sục khí), tổng giá trị tài sản là 5.723.000đ (năm triệu, bảy trăm, hai mươi ba nghìn đồng).

[4] Theo kết luận giám định pháp y tâm thần như đã nêu tại phần nội dung của bản án, xác định tại thời điểm trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đỗ Hữu M là người hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 21 Bộ luật hình sự, bị cáo không mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình nên vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đã thực hiện. Tình trạng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt. Như vậy, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, nhưng do mong muốn có phương tiện di chuyển nên đã trộm cắp tài sản, hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy cần phải xử lý đối với bị cáo bằng pháp luật hình sự, nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Từ những nhận định tại đoạn [3], [4] của Bản án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản.

[6] Xét thấy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc đến tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như đã nhận định thì cần đánh giá nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[6.1] Về nhân thân: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên là người có nhân thân tốt.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường 3.000.000 đồng để khắc phục thiệt hại cho ông Nguyễn Đức T trong những ngày bị tạm giữ phương tiện; có kết luận của cơ quan có chuyên môn về hạn chế nhận thức và điều khiển hành vi và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bố mẹ đẻ bị cáo là ông Đỗ Hữu V và bà Nguyễn Thị K đã tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được tặng Kỷ niệm chương thanh niên xung phong. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định các điểm b, i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy bị cáo Đỗ Hữu M có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; không có tiền án, tiền sự; trước khi phạm tội chấp hành tốt chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước tại địa phương; bản thân bị cáo là người là người hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội. Miễn khấu trừ thu nhập do bị cáo không có nghề nghiệp.

[8] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do không có nghề nghiệp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã tác động gia đình bồi thường 3.000.000 đồng cho bị hại để khắc phục thiệt hại trong những ngày bị tạm giữ phương tiện; xét thấy việc bồi thường được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận. Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

[10] Ông Đỗ Hữu V là bố đẻ của bị cáo, ông tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng, đối với số tiền trên ông không yêu cầu bị cáo phải trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là các tài sản của bị hại bị trộm cắp đã được trả lại cho chủ sở hữu trong giai đoạn điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật. Lưu theo hồ sơ 01 đĩa DVD, lưu trữ 01 (một) file video là dữ liệu điện tử, chứng cứ chứng minh tội phạm.

[12] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; đề nghị của người bào chữa cho bị cáo phần nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, đề nghị không phù hợp thì không được chấp nhận.

[13] Về án phí: trước khi mở phiên toà, bị cáo và bị hại thoả thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Toà án ghi nhận do đó bị cáo, bị hại không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị cáo là người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: những người tham gia tố tụng có quyền kháng

cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292, Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, f, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Đỗ Hữu M phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Đỗ Hữu M 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn thi hành án được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đỗ Hữu M cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường tiền chi phí những ngày bị tạm giữ phương tiện giữa bị cáo và bị hại; theo đó, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

4. Về xử lý vật chứng: lưu theo hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD.

5. Về án phí: bị cáo Đỗ Hữu M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hương Giang